KẾT QUẢ XÉT HỌC VỤ HỌC KỲ 1/2017-2018 @ KHÓA 2013

2018.01.19

1. DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ BUỘC THÔI HỌC KỂ TỪ HỌC KỲ 2/2017-2018

Xem cột Kết luận

TT	MaHS	SoTheSV	Hoten	Tenlop	TongTCTN	TCnam	TongTCthie	TongTCTLuy	HangNam	SoTC	DiemTBTL	TongTC_Ky	DiemTBHT	DiemTBHT1	DiemTBHB	SoTC	Diet	TongT	TongTCk	CB121	CB122	CB131	CB132	CB141	CB142	CB151	CB152	CB161	CB162	DiemDA	TN		Tluy_YC		Thoi_171_2	Thoi_171	Chiếu cô	Csach	bao_171_	171_t	bao_171			Đã CB?	Cử tuyển?	Không xét?	Kết luận
	111130002	111130002	Cao Thế An	13THXD1	150.0	30.0	88.5	61.5	2.0	150.0	1.93	14.0	0.14	1.17	1.83	3		14.0	5.0						1		1				0		1.4		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	110130174	110130174	Hoàng Đức Lực	13X1C	153.0	30.6	83.0	70.0	2.3	153.0	2.11	16.0	0.00	0.10	0.13	4		17.0	24.0					1				1	1		0		1.4		1	1			1		1			3	#N/A	#N/A	Thôi học
	106130186	106130186	Đoàn Văn Phương	13DT3	150.0	30.0	70.5	85.5	2.6	150.0	1.89	10.0	0.00	0.00	0	2			10.0						1		1			0		1.4		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	110130091	110130091	Nguyễn Văn Hải	13X1B	153.0	30.6	68.0	85.0	2.8	153.0	1.79	17.0	0.35	3.39	3.23	5		14.0	20.5				1					1			0		1.4		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	105130233	105130233	Đinh Quang Sang	14DCLC	157.5	31.5	67.5	8.5	2.9	157.5	2.06	20.5	0.85	3.38	3.38	0		18.0	29.5					1	1						0		1.4		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	105130012	105130012	Trần Viết Bửu	13D1	153.0	30.6	66.0	87.0	2.8	153.0	2.40	12.0	0.00	1.63	1.63	0			18.5								1	1	1	0		1.4		1	1			1		1			3	#N/A	#N/A	Thôi học
	108130040	108130040	Phạm Ngọc Tú	13SK	140.5	28.1	59.5	81.0	2.9	140.5	1.89	5.5	0.00	1.77	1.77	0	##	7.0	7.5						1			1			0		1.4		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	104130095	104130095	Trần Doãn Huy	13NL	152.5	30.5	56.0	96.5	3.2	152.5	1.67	18.0	0.83	3.66	4.67	7		11.0	20.0								1	1	1		0		1.6		1	1			1		1			3	#N/A	#N/A	Thôi học
	109130047	109130047	Ngô Triều Vỹ	13VLXD	150.0	30.0	54.5	96.5	3.2	150.0	1.90	13.5	0.00	0.00	0	0			23.5				1		1					0		1.6		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	118130184	118130184	Phan Đăng Quốc	13QLCN	153.0	30.6	52.0	101.0	3.3	153.0	2.01	17.0	0.00	0.55	1	14	##	12.0	36.0				1					1		0		1.6		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	121130083	121130083	Ngô Minh Quốc Huy	13KT2	153.5	30.7	49.0	104.5	3.4	153.5	2.19	9.0	0.44	1.78	4	5		5.0	24.0									1	1	0		1.6		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	107130104	107130104	Phan Văn Lãm	13H2B	150.0	30.0	48.0	107.0	3.4	150.0	1.89	20.0	0.38	2.23	2.83	9		5.0	17.0					1		1					0		1.6		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	118130094	118130094	Nguyễn Thị Bích Ngọc	13KX2	152.5	30.5	48.0	104.5	3.4	152.5	1.92	16.0	0.38	1.24	5.7	13		14.0	27.0								1		1		0		1.6		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	110130202	110130202	Nguyễn Lê Minh Trí	13X1C	153.0	30.6	44.0	109.0	3.6	153.0	2.39	22.0	0.55	2.99	3.86	5		13.0	24.0									1	1		0		1.6		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	104130066	104130066	Nguyễn Ngọc Trãi	13N1	152.5	30.5	43.0	109.5	3.6	152.5	1.94	15.0	0.00	0.44	0.14	5		3.0	20.0								1		1		0		1.6		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	108130028	108130028	Hà Minh Phước	13SK	140.5	28.1	40.5	100.0	3.6	140.5	1.72	11.0	0.00	1.24	1.44	6	##		16.5				1		1					0		1.6		1	1			1		1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	104130045	104130045	Nguyễn Lê Nguyên	13N1	152.5	30.5	27.0	125.5	4.1	152.5	1.73	17.0	1.44	4.86	5.85	3		3.0	22.0					1			1				0		1.8		1	1				1	1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	108130002	108130002	Phạm Phú Ân	13SK	140.5	28.1	21.0	120.5	4.3	140.5	1.79	15.5	1.13	4.04	0	16	##	6.0	23.5						1	1				0		1.8		1	1				1	1			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	103130232	103130232	Hoàng Anh Triệu	13KTTT	152.0	30.4	33.0	119.0	3.9	152.0	2.09	10.0	0.00	0.00	0	0			14.5											0		1.6	1	0	1			1		1			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	108130035	108130035	Đỗ Xuân Tiến	13SK	140.5	28.1	10.0	130.5	4.6	140.5	2.64	10.0	0.00	0.00	0	0	##		12.5											0	0	1.8	1	0	1			1		1			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	101139008	101139008	Lê Ngọc Đường	13C1VA	152.0	30.4	85.0	66.0	2.2	152.0	1.87	13.0	0.00	0.00	0	2			15.0									1		0		1.4	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	106130149	106130149	Trần Quang Cao	13DT3	150.0	30.0	36.5	118.5	3.8	150.0	1.84	13.0	0.00	0.00	0	1			17.0											0		1.6	1	0	1			1		1			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	103130217	103130217	Trần Đình Nhật	13KTTT	152.0	30.4	48.5	103.5	3.4	152.0	1.75	15.5	0.00	0.00	0	3							1							0		1.6	1	0	1			1		1			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	107130112	107130112	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	13H2B	150.0	30.0	51.0	99.0	3.3	150.0	2.66	16.5	0.00	0.00	0	0			14.5											0		1.6	1	0	1			1		1			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	102130048	102130048	Lê Văn Tịnh	13T1	153.0	30.6	86.5	66.5	2.2	153.0	2.01		0.00	0.00	0				14.5							1			1	0		1.4	1	0	1					0			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	105130023	105130023	Trần Xuân Hào	13D1	153.0	30.6	75.0	78.0	2.5	153.0	1.94		0.00	0.00	0				17.0								1	1		0		1.4	1	0	1					0			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	104130079	104130079	Tạ Chí Công	13NL	152.5	30.5	65.0	87.5	2.9	152.5	1.77													1			1		0		1.4	1	0	1					0			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	103130060	103130060	Đỗ Bá Nhựt	13C4A	152.0	30.4	55.5	96.5	3.2	152.0	2.74		0.00	0.00	0				12.5									1		0		1.6	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	107130073	107130073	Nguyễn Hoàng Minh	13H2A	150.0	30.0	53.0	97.0	3.2	150.0	2.63								14.5									1		0		1.6	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	101130146	101130146	Lê Đức Tuấn	13C1B	152.0	30.4	52.0	100.0	3.3	152.0	1.85		0.00	0.00	0				22.0									1	1	0		1.6	1	0	1					0			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	105130047	105130047	Đặng Phước Nhớ	13D1	153.0	30.6	51.5	101.5	3.3	153.0	1.81		0.00	0.00	0				13.5							1			1	0		1.6	1	0	1					0			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	109130169	109130169	Hoàng Nghĩa Anh	13X3C	150.0	30.0	45.5	104.5	3.5	150.0	2.19		0.00	0.00	0				16.0										1	0		1.6	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	111130033	111130033	Trần Đức Phương	13THXD1	150.0	30.0	44.0	106.0	3.5	150.0	2.48		0.00	0.00	0				14.0										1	0		1.6	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	106130025	106130025	Nguyễn Văn Huy	13DT1	150.0	30.0	43.5	107.5	3.5	150.0	2.00		0.00	0.00	0				14.5									1	1	0		1.6	1	0	1					0			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	109130176	109130176	Nguyễn Sỹ Dinh	13X3C	150.0	30.0	41.5	108.5	3.6	150.0	2.02		0.00	0.00	0				23.0											0		1.6	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	117130033	117130033	Hồ Hồng Nguyên	13MT	153.0	30.6	41.0	112.0	3.7	153.0	1.92		0.00	0.00	0				15.0			1						1		0		1.6	1	0	1					0			2	#N/A	#N/A	Thôi học
	109130064	109130064	Nguyễn Thanh Hoàng	13X3A	150.0	30.0	38.5	111.5	3.7	150.0	2.34		0.00	0.00	0				12.0										1	0		1.6	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Thôi học
	101130039	101130039	Nguyễn Nên	13C1A	152.0	30.4	25.0	127.0	4.2	152.0	2.88								15.0											0		1.8	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	101130066	101130066	Hồ Sỹ Toàn	13C1A	152.0	30.4	25.0	127.0	4.2	152.0	2.09								17.0											0		1.8	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	101130119	101130119	Đào Duy Phú	13C1B	152.0	30.4	25.0	127.0	4.2	152.0	2.59								15.0											0		1.8	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	101130130	101130130	Hồ Xuân Thắng	13C1B	152.0	30.4	25.0	127.0	4.2	152.0	3.14								15.0											0		1.8	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	101130052	101130052	Trần Đình Quyết	13C1A	152.0	30.4	23.0	129.0	4.2	152.0	2.43								15.0											0		1.8	1	0	1					0			0	#N/A	#N/A	Thôi học
	108130005	108130005	Trần Thành Công	13SK	140.5	28.1	39.0	101.5	3.6	140.5	1.94		0.00	0.00	0		##		24.5						1					0		1.6	1	0	1					0			1	#N/A	#N/A	Thôi học